TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dạng;

Ông Phạm Thanh Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị Mỹ D, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt lập ngày 10-12-2021).

Địa chỉ: Thôn X, xã Tân C, huyện Di L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Anh Trương S, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp số Y, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-11-2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị Mỹ D trình bày:

Chị D và anh Trương S có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02-10-2006. Hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn và vợ chồng đã sống ly thân cách nay 10 năm.

Vợ chồng có 02 con chung Trương Thanh T, sinh ngày 28-10-1996 đã trưởng thành và Trương Thị Thúy B, sinh ngày 08-3-2004 đang chung sống với chị.

Chị D yêu cầu được ly hôn với anh S và xin được nuôi con Trương Thị Thúy B, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương S vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn với anh S, lý do ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung giao cho chị S được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Thúy B, việc cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị D không có yêu cầu; tài sản chung và nợ chung không xem xét do chị D và anh S không có ý kiến yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D yêu cầu ly hôn với anh S. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị D đã được triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh S và chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 129, ngày 02-10-2006 anh S và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tự nguyện, được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên đã ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Sau ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng.

[3] Theo biên xác minh ngày 29-12-2021 của Tòa án đối với chị Thạch Thị T là con dâu của anh S, chị T xác nhận thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án chị đều nhận và có thông báo lại cho anh S biết nhưng anh S không

đồng ý đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhưng anh S vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị D. Mặt khác, thời gian vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay, mạnh người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị D xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 39/1997 ngày 27-02-2017 và số 547/10 ngày 02-10-2006 của Ủy ban nhân dân xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, giữa chị D và anh S có hai người con chung gồm Trương Thanh T, sinh ngày 28-10-1996 đã trưởng thành và Trương Thị Thúy B, sinh ngày 08-3-2004 đang sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con Trương Thị Thúy B đến khi con đủ 18 tuổi, còn anh S không có ý kiến phản hồi, xét cháu B sống với chị D đã ổn định về vật chất, lẫn tinh thần và cháu B có nguyện vọng sống với chị D, yêu cầu của chị D là phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định Tòa án giao con tên B cho chị D nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn chị D không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, nguyên đơn chị D phải chịu do chị là người yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn anh Trương S không phải chịu án phí.

[8] Từ phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lý Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trương S.

2. Về con chung: Giao con tên Trương Thị Thúy B, sinh ngày 08-3-2004 cho chị Lý Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trương S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lý Thị Mỹ D phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001191 ngày 22-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T. Chị D nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Lý Thị Mỹ D và anh Trương S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Châu H, huyện Thạnh T;
- UBND xã Tân C, huyện Di L, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam